

Số 02/2026/QĐST- HNGĐ

Gia Lai, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và
công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

T phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Văn Quảng.

Thư ký phiên họp: Ông Hà Đức Quang – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T2 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 trình bày:

Anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 đi đến hôn nhân tự do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai) vào ngày 29/6/1998. Thời điểm đăng ký kết hôn vợ chồng anh

chị kê khai, anh Phạm Tiến T, sinh ngày 09/04/1977 và chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02/6/1980 là không đúng với ngày, tháng, năm sinh thực tế theo chứng minh nhân dân đã được cấp, sau này đổi T căn cước công dân số 030077009200 cấp ngày 13/4/2021, mang tên Phạm Tiến T, sinh ngày 09/4/1977 và căn cước công dân số 024181002180 cấp ngày 13/4/2021 mang tên Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981, Đối chiếu với việc kê khai so với Căn cước công dân thì chị T1 tại thời điểm đăng ký kết hôn là ngày 29/6/1998 là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ kê khai thì Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai đã cấp giấy chứng nhận kết hôn 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998 là vi phạm pháp luật. Nay anh T và chị T1 đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật như trên và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị Phương T1 đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã P trình bày: Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai) vào ngày 29/6/1998 có thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T1 khai sinh ngày 02/6/1980. Tuy nhiên việc kê khai này bị sai so với thời điểm hiện nay chị T1 tiến hành đi kê khai lại và đã được cấp căn cước công dân. Vậy nay anh T và chị T1 yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, người yêu cầu là anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 giữ nguyên yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8- Gia Lai phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1, hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật của anh T và chị T1 được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 từ ngày 03/9/1998. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm anh T và chị T1 phải chịu 300.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai, nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh chị, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm chị Nguyễn Thị Phương T1 đủ tuổi kết hôn. Anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai). Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2025, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp. thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai. Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Việc kết hôn của anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 là tự nguyện, đăng ký đúng cơ quan có thẩm quyền. Theo giấy chứng nhận kết hôn bản gốc số 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998 ghi chị Nguyễn Thị Phương T1 sinh ngày 02/6/1980 và anh Phạm Tiến T, sinh ngày 09/4/1977, Giấy chứng nhận kết hôn không thể hiện thông tin về Chứng minh nhân dân của anh T và chị T1. Theo Căn cước công dân số 030077009200 do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/4/2021 thay thế cho chứng minh nhân dân thể hiện thông tin: Họ và tên Phạm Tiến T; ngày, tháng, năm sinh: 29/4/1977; Giới tính nam và Căn cước công dân số 024181002180 do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/4/2021 thay thế cho chứng minh nhân dân thể hiện thông tin: Họ và tên Nguyễn Thị Phương T1; ngày, tháng, năm sinh: 02/9/1981; Giới tính nữ. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nguyễn Thị Phương T1 chưa đủ tuổi kết hôn theo Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Do đó việc kết hôn giữa anh T và chị T1 theo giấy đăng ký kết hôn số 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998 là trái pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh T và chị T1.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Vợ chồng Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/1998 cho đến nay anh T và chị T1 chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Căn cước công dân số 024181002180 do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/4/2021 của chị T1 thì từ ngày 03/9/1998 chị T1 đủ tuổi kết hôn. Anh T và chị T1 cùng có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi chị T1 đủ tuổi kết hôn theo hướng dẫn tại điểm khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối

cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 kể từ ngày 03/9/1998.

[4] Về lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Anh T và chị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 8 - Gia Lai tại phiên họp về việc giải quyết việc Dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 8, 11, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 196, quyển số 06-89 ngày 29/6/1998 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Tiến T, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1977 và chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981 kể từ ngày 03/9/1998.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Tiến T và chị Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Khấu trừ vào số tiền anh T và chị T1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000371 ngày 12/01/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai. Anh T và chị T1 đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo, Kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Người yêu cầu;
- UBND xã P;
- THADS (thông qua phòng THADS Khu vực 8 - Gia Lai);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Văn Quảng